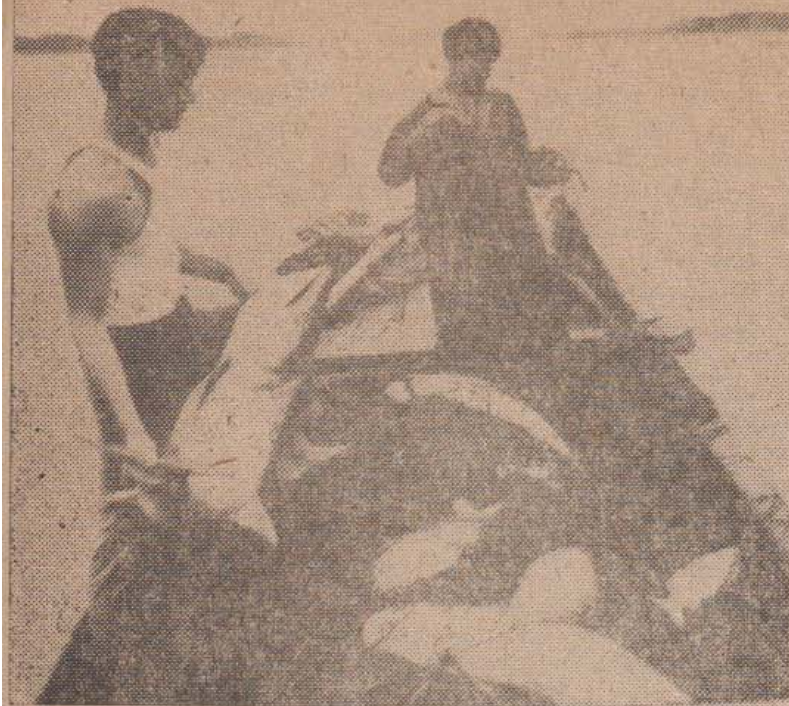




TẬP TRUNG CAO ĐỘ LỰC LƯỢNG
CẢ NƯỚC THỰC HIỆN THẮNG LỢI
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

PHÁT TRIỂN NGHỀ CÁ NƯỚC NGỌT

THÀNH MỘT NGÀNH SẢN XUẤT CHÍNH TRONG
NỀN NÔNG NGHIỆP LỚN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PHẠM THẾ

THỜI gian qua nghề nuôi cá nước ngọt ở miền bắc nước ta đã được phát triển rộng khắp các vùng và trong cả 3 thành phần kinh tế.

Diện tích nuôi cá nước ngọt ngày càng rộng: từ 121 000 ha (năm 1974), nay tăng lên 135 000 ha; tổng sản lượng từ 5 vạn tấn (năm 1974), nay ước đạt 6 vạn tấn, trong đó quốc doanh chiếm 5,2%, hợp tác xã nuôi cá chiếm 80%, hợp tác xã cá sông 14%, gia đình 3%. Năng suất bình quân nuôi cá ở các ao hồ nhỏ tăng từ 840kg/ha (năm 1974), nay lên 1 200 ha. Ruộng trũng nuôi một vụ cá cũng đạt 140kg/ha (tăng hơn 1974 là 40%).

Có thể nhận xét về sự phát triển của ngành cá nước ngọt ở ta thời gian qua tóm tắt như sau:

1 - Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong ngành cá ngày càng được củng cố.

Đã có 32 quốc doanh nuôi cá và 123 trạm trại cá giống của Nhà nước đã đi vào sản xuất, kinh doanh, hạch toán và có lãi. Có 7200 hợp tác xã nuôi cá (chiếm 45% hợp tác xã nông nghiệp). Khu vực tập thể và quốc

doanh trong nghề cá chiếm 99,2% tổng sản lượng cá nước ngọt. Cá nuôi đạt trên 85% tổng thu hoạch sản phẩm. Ở những hợp tác xã đưa nuôi cá thành một ngành kinh doanh chính thì giá trị thu nhập chiếm từ 10% đến 35% tổng giá trị sản lượng của hợp tác xã, giá trị ngày công nuôi cá bình quân đạt 3-4đ, một số nơi đạt 7-8đ, có nơi lên 10-12đ. Nơi nào thực hiện tốt các định mức lao động, áp dụng hợp lý chính sách đòn bẩy kinh tế thì năng suất lao động tăng rõ rệt, nhiều cơ sở đạt 2400-3000đ/lao động/năm; một số nơi đạt 4000đ; có nơi đạt 14310đ/lao động năm.

2. Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành cá nước ngọt bước đầu được xây dựng, tuy còn nhỏ bé nhưng hiệu quả kinh tế mang lại rất rõ rệt.

Ảnh trên :

Cán bộ, công nhân Quốc doanh thủy sản Thác-bà thực hiện quy trình kỹ thuật « đánh tỉa thả bù », khắc phục khó khăn về địa hình, thuyền lưới, hoàn thành kế hoạch sản xuất cá.

Ảnh : XUÂN VI (TTXVN)

Một hệ thống trạm trại sản xuất cá giống gồm 123 cơ sở với 950 ha diện tích mặt hàng đã được hình thành, cùng với 240 hợp tác xã cho cá đẻ nhân tạo với hàng trăm ha diện tích ao ương sản cá giống tuy chưa được trang thiết bị đầy đủ và công trình chưa đồng bộ, nhưng đến nay đã sản xuất được 1400 triệu cá bột nhân tạo, chiếm 70% sản lượng cá bột. Tổng số cá giống ước đạt 900 triệu. Nhiều địa phương đã tiến hành quy hoạch cải tạo ao hồ, ruộng trũng để nuôi cá đạt kết quả tốt. Một số công trình nuôi cá ở hồ chứa, ở sông đã kết hợp tốt thủy sản với thủy lợi. Đến nay đã xây dựng và ban hành 8 quy trình kỹ thuật về sản xuất cá giống, về nuôi cá thịt và khai thác. Các quy trình này đang được ứng dụng rộng rãi vào sản xuất có kết quả. Trong nghiên cứu, đã điều tra một số hồ, sông lớn, bước đầu xác định môi trường và thành phần ngư loại phục vụ cho việc xây dựng nhiệm vụ thiết kế, quy hoạch sản xuất. Đã nhập nội, lai tạo, thuần hóa một số loài cá có giá trị kinh tế.

Về đội ngũ cán bộ kỹ thuật, hiện nay ngành cá nước ngọt đã có 12 cán bộ trên đại học, 530 cán bộ đại học 1600 kỹ thuật viên trung cấp, hàng vạn kỹ thuật viên sơ cấp và công nhân kỹ thuật.

3. Những thành tựu kỹ thuật đạt được có tính chất đột biến, đồng bộ, có tác động rõ rệt tới sản xuất đại trà.

Viện cho cá đẻ nhân tạo các loại cá nuôi ở miền bắc hiện nay phải được coi là thành tựu kỹ thuật lớn nhất. Đã chủ động cho đẻ 10 loài cá nuôi có năng suất cao, và phổ cập rộng rãi khắp các địa phương. Từ chỗ không cho đẻ được trước đây, mãi đến năm 1963 là năm đầu tiên thí nghiệm cho cá mè hoa đẻ thành công với kết quả vài nghìn cá bột, đến nay đã cho đẻ hàng loạt các loài cá nuôi, đạt 1400 triệu cá bột. Rõ ràng đã đi từ chỗ tay không tiến lên đạt hàng tỷ cá bột, từ chỗ phải đi vớt cá ở sông, sang chủ động tự sản xuất đủ giống để nuôi thả. Ngay cả ở những vùng núi cao hẻo lánh như huyện Bình-lieu (Quảng-ninh) từ xưa đến nay vẫn phải đi mua cá giống ở Trung-quốc đến nay cũng đã tự cho đẻ được hàng triệu cá giống, thừa giống để nuôi. Việc đó không những mang lại lợi ích kinh tế mà còn có ảnh hưởng chính trị tốt trong quần chúng.

Nhờ áp dụng quy trình kỹ thuật một cách sáng tạo, nên năng suất cá bột mè trắm tăng với tốc độ nhanh, từ 5 - 6 triệu/ha lên 15 - 40 triệu ha, có nơi đến 58 triệu cá bột/ha nuôi vỗ cá sinh sản.

Năng suất bình quân về cá bột trên 1 kg cá cái cũng tăng nhanh: từ 5000 - 6000 lên

3 - 4 vạn cá bột. Công tác quản lý kỹ thuật, được chặt chẽ, tổ chức vận hành thao tác hợp lý, kết hợp với cải tiến công trình ương ấp nên đã làm tăng năng suất, giảm giá thành.

Cải tiến kỹ thuật ương ấp nâng cao tỷ lệ lấy cá hương, cá giống, và áp dụng biện pháp vận chuyển cá bằng ôxy đi đường xa với tỷ lệ sống cao (95% - 100%).

Những thành tích về cho cá đẻ nhân tạo là một thắng lợi to lớn, là một bước tiến bộ vượt bậc của ngành cá nước ngọt ở nước ta.

Bên cạnh đó, kỹ thuật nuôi cá ao tăng sản đã được mở rộng, đạt hiệu quả kinh tế lớn.

Đã xuất hiện các điển hình nuôi cá ao nước tinh có năng suất cao đạt 5 - 7 tấn/ha, có nơi đạt 10 tấn/ha ở các tỉnh vùng đồng bằng, trung du.

Hình thức nuôi cá ao nước chảy ở miền núi được phát triển rộng rãi trong các gia đình đã đem lại năng suất cao, bình quân từ 20 kg - 30 kg/m², nhiều ao đạt 50 kg - 60 kg/m².

Phương thức luân canh ruộng trũng đề cấy một vụ lúa, nuôi một vụ cá, ở vùng vành đai thực phẩm đồng bằng sông Hồng đã mang lại kết quả khả quan đạt từ 4 - 6 tấn thóc và thu từ 1,9 tấn - 3,2 tấn cá trên một hecta.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích trên đây, ngành nuôi cá nước ngọt ở miền bắc nước ta còn những mặt yếu sau đây:

1) Phong trào nuôi cá phát triển chưa đều, diện tích nuôi còn ít (khoảng 50%) so với khả năng. Kỹ thuật nuôi còn mang tính chất tự nhiên, chưa giải quyết được thức ăn cho cá,



Tổ trưởng kỹ thuật nuôi cá Nguyễn Thị Hoa, người có nhiều đóng góp với Trại cá giống Ninh Giang, Hải Hưng, trại này đã giúp nhiều hợp tác xã nông nghiệp phát triển nghề nuôi cá.



Bè cho cá đẻ nhân tạo ở
Quốc doanh Thủy sản Hà-tây.



Cán bộ kỹ thuật và công nhân
đang thu cá giống.

Ảnh : ĐỨC NHƯ
(TTXVN)

nên năng suất bình quân còn thấp, tổng sản lượng tăng chậm. Phần lớn ao hồ (80 - 90%) còn đề từ cóm, nông cạn hàng mấy chục năm nay chưa được cải tạo, tu sửa theo yêu cầu sinh vật học và môi trường sống của cá.

2) Cơ sở vật chất - kỹ thuật chưa đồng bộ. các trạm trại sản xuất cá giống, các công trình nuôi cá hồ chứa, sông, chưa hoàn chỉnh về nhiệm vụ thiết kế, thi công. Thiết bị vật tư còn thiếu, chưa đủ điều kiện ứng dụng các biện pháp kỹ thuật tiên bộ. Việc đầu tư vốn, máy móc, vật tư chuyên dùng có nhiều chỗ chưa hợp lý, nhiều lúc không có, nếu có thì ở trong tình trạng chắp vá, không đồng bộ, nên không đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, (nuôi thả, khai thác chế biến). Chưa phục vụ tốt các khâu điều hòa phân phối, tiêu thụ.

3) Phương thức sản xuất cá chưa tập trung, chưa toàn diện. Trong chỉ đạo thực hiện còn tình trạng mất cân đối nghiêm trọng và khá phổ biến giữa các khâu cá giống, thức ăn, lao động, công cụ khai thác và sản xuất cá thịt. Kế hoạch xây dựng một chiều, thiếu khoa học. Thức ăn phân bón cho cá hầu như không có, cá thả chạy, sống nhờ vào nguồn sinh dưỡng trong tự nhiên.

4) Lao động nghề cá ở hợp tác xã hầu hết là lao động phụ (chiếm 80%), nên hạn chế khả năng tiếp thu kỹ thuật tiên tiến, thiếu sức khỏe để chịu đựng sự vất vả của ngành nghề.

Tổ chức bộ máy của ngành từ trung ương đến địa phương chưa ổn định, chưa thành hệ thống và kém hiệu lực. Công tác quản lý kinh tế, quản lý kỹ thuật nói chung còn yếu, có nơi còn bảo thủ, tùy tiện. Những chính sách chế độ của Nhà nước đã có chưa được vận dụng và chấp hành nghiêm chỉnh. Những chính sách cần thiết nhằm khuyến khích ngành cá nước ngọt phát triển chưa được nghiên cứu ban hành. Việc đầu tư của Nhà nước vào một ngành để mang lại hiệu quả kinh tế cao như ngành cá nước ngọt còn ít.

Nguyên nhân chủ yếu làm cho nghề cá nước ngọt ở miền bắc nước ta phát triển chậm là: việc tập trung đầu tư và phân phối vốn đầu tư của ta cho các ngành trong nông nghiệp còn chưa hợp lý. Nguồn lợi cá nước ngọt rất to lớn, nhưng phải đầu tư vốn, có kế hoạch cân đối về mọi mặt thì mới phát triển khai thác được nguồn lợi đó. Trong thời gian qua, nhận thức khả năng, vị trí cá nước ngọt còn chưa đầy đủ, ở một số ngành. Đa số cán bộ các ngành, các cấp đều đòi hỏi sản xuất nhiều cá để cải thiện đời sống, nhưng trong phạm vi trách nhiệm của mình để có thể góp phần làm cho con cá phát triển thì lại ít quan tâm đến.

Do đó, chỉ tiêu kế hoạch nuôi cá chưa trở thành một chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước, nên không có kế hoạch cân đối, không có biện pháp thiết thực, có hiệu lực để phát triển nghề cá.

Ở miền nam, diện tích ao hồ đang được sử dụng nuôi cá là 10 000 ha. Diện tích khai thác tự nhiên trên sông lạch khoảng 210 000 ha, ruộng trũng 500 000 ha. Mặt nước lớn có khả năng nuôi cá 50 000 ha, nước lợ 100 000 ha. Dưới chế độ cũ, chính sách thực dân mới đã tạo ra ở miền nam một nền kinh tế không ổn định, không khai thác hết nguồn lợi và hạn chế ưu thế của từng vùng nước. Cá giống sản xuất được rất ít, công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật chưa được chú ý, đưa vào sự hướng dẫn của nước ngoài. Bước đầu cho đẻ được cá mè, cá trắm bằng phương pháp nhân tạo nhưng kết quả không đáng kể, nhập nội một số loài cá mè, cá trê, cá chép v.v... nhưng thiếu biện pháp giữ giống thuần chủng.

Sau ngày giải phóng, các cơ sở nuôi cá được chính quyền ta khuyến khích phát triển như nuôi cá ao nhỏ, nuôi cá ruộng vườn. Hình thức nuôi cá bè bắt đầu khôi phục. Về giống loài mới, đã tiếp nhận cá trắm cỏ, cá mè ở miền bắc, nuôi vỗ tốt, bước đầu đã cho đẻ thử cá mè trắng đồng thời trao đổi một số loài cá có giá trị kinh tế ở miền nam ra miền bắc, làm phong phú giống loài cá nuôi cho cả nước.

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi trên đây, nghề nuôi cá miền nam còn nhiều mặt cơ bản cần được nghiên cứu giải quyết.

1. Điều tra quy hoạch, xác định phương hướng nhiệm vụ, biện pháp phát triển cá nước ngọt và xây dựng các trọng điểm nuôi cá ở các vùng kinh tế mới, theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

2. Cải tạo quan hệ sản xuất cũ phân cấp quản lý sử dụng mặt nước, xây dựng quan

hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa để mở rộng nuôi cá.

3. Ứng dụng khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh phát triển cá giống nhân tạo - xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật tiến bộ để phát triển nuôi, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

4. Xây dựng hệ thống tổ chức chỉ đạo nghề nuôi cá, từng bước tiến hành quản lý kinh tế, quản lý kỹ thuật đưa nuôi thủy sản trở thành một ngành sản xuất chính trong nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa.

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NGHỀ CÁ NƯỚC NGỌT, NƯỚC LỢ TRONG THỜI GIAN TỚI

Thực hiện chỉ thị của Thủ tướng Phạm Văn Đồng: « phải phấn đấu đưa ngành nuôi thủy sản nước ngọt trở thành một ngành sản xuất chính trong nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa », phương hướng của ngành nuôi thủy sản nước ngọt nước lợ trong thời gian tới là:

Ra sức cải tạo ao hồ, mở rộng thâm canh tăng năng suất, tiến hành điều tra quy hoạch, phân loại sử dụng hết diện tích. Đẩy mạnh khai thác, đi đôi với bảo vệ nguồn lợi. Tổ chức lại sản xuất nghề cá. Phát triển các quốc doanh, hợp tác xã trọng điểm nuôi cá và khai thác cá sông.

Mặt khác, đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đi đôi với tăng cường cải tiến quản lý kinh tế từ cơ sở, lấy quốc doanh làm trung tâm, phát động phong trào nuôi tôm, cá, ở khắp các vùng, các thành phần kinh tế. Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật. Xây dựng các vùng nuôi thủy sản tập trung, hoàn chỉnh, tăng nhanh sản phẩm hàng hóa để cải thiện đời sống cho nhân dân, cung cấp thực phẩm cho các thành phố, khu công nghiệp tập trung, làm thức ăn cho gia súc và đẩy mạnh xuất khẩu ».

Quốc doanh thủy sản Hà-tây xây dựng hệ thống sản xuất cá giống ở Đông-mô-Ngôi-sơn có ga-a các thiết kế rất khoa học và tiện lợi.

Ảnh: ĐỨC NHƯ (TTXVN)



Nhưng biện pháp lớn để thực hiện kế hoạch phát triển nghề nuôi thủy sản nước ngọt, nước lợ 5 năm tới.

1. *Kết hợp quy hoạch thủy lợi, quy hoạch nông thôn mà xúc tiến quy hoạch nuôi cá. Phát huy thế mạnh của từng vùng ra sức thâm canh tăng năng suất các loại mặt nước và phát triển nuôi cá ở khắp các thành phần kinh tế.*

Trên cơ sở điều tra cơ bản, điều tra kinh tế xúc tiến phân loại mặt nước, quy vùng quy hoạch các diện tích sản có và sắp hình thành, để mở rộng diện tích nuôi thả. Đưa tổng diện tích nuôi cá từ 145 000 ha (năm 1976 lên 404 000 ha vào năm 1980).

— Kết hợp chặt chẽ với quy hoạch thủy lợi, quy hoạch xây dựng nông thôn, đô thị mà tiến hành quy hoạch phát triển nuôi cá nước ngọt, nước lợ một cách toàn diện, từ cơ sở sản xuất cá giống đến kinh doanh cá thịt và khai thác nguồn lợi tự nhiên.

— Phát huy thế mạnh của từng vùng, đặc biệt tập trung 2 vùng: đồng bằng sông Hồng và sông Cửu-long đồng thời tích cực phát triển ở các vùng khác một cách cân đối.

— *Vùng đồng bằng sông Hồng:* hồ ao nhỏ chiếm gần 40% diện tích ao cá nước, năng suất bình quân cao nhất hiện nay (1,6 tấn/ha), có nhiều điển hình nuôi cá ao nước tĩnh đạt từ 5 — 7 — 10 tấn/ha. Ruộng trũng chiếm 34 000 ha (31% cả nước), nuôi cá một vụ ở nhiều cơ sở đạt 3 tấn/ha. Bám sát tự nhiên cũng nhiều nơi đạt 1 tấn/ha. Đây là vùng có khả năng tổ chức nhiều trọng điểm nuôi cá tăng sản có sản phẩm lớn, nhất là ở các vành đai thực phẩm của các thành phố lớn, thị xã...

Cần quy hoạch phát triển nuôi cá ruộng theo phương thức luân canh một vụ lúa một vụ cá phân đầu đạt bình quân từ 4 — 5 tạ cá trên toàn bộ diện tích ruộng nuôi cá. Phải đưa nuôi cá vào chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh và xác định vị trí: lúa, lợn, cá, gia cầm và trên cơ sở đó có kế hoạch cân đối để giải quyết các biện pháp đẩy mạnh sản xuất. Phân đầu vào năm 1980 đạt 68 280 tấn trong vùng (bằng 17% tổng sản lượng cá nước).

Vùng đồng bằng sông Cửu-long: là vùng có điều kiện về đất nước, thời tiết khí hậu, môi trường, giống loài rất thuận lợi để phát triển nuôi cá sông cá đồng phong phú. Có nhiều hình thức nuôi cá sản lượng cao, sản xuất có tính chất công nghiệp, cung cấp hàng hóa cho thị trường trong và ngoài nước như: nuôi cá bẹ, nuôi cá vườn, nuôi cá ruộng nước.

Trước mắt cần củng cố và phát triển hình thức nuôi cá ao, nuôi cá ruộng vườn. Khôi phục và tổ chức lại việc nuôi cá bẹ, áp dụng kỹ thuật, phòng chống bệnh cá, cố gắng đạt năng suất bình quân 5 tấn/bè (10m — 5 × 3m) có biện pháp cụ thể để giải quyết thức ăn, và phân đầu đạt khoảng 7 000 — 7 500 bè cá.

Phấn đấu đến năm 1980, đưa sản lượng cá vùng này lên 295 990 tấn, chiếm 51,5% tổng sản lượng cá nước, đồng thời bảo đảm thực hiện chỉ tiêu thu mua 70 000 tấn tôm cá, trong đó có 10 000 tấn tôm nước lợ, tôm nước ngọt, để xuất khẩu.

+ Các vùng trung du miền núi, vùng Tây-nguyên và vùng Thanh-ngệ-binh (khu 4 cũ).

— Là những vùng có nhiều hồ chứa nước, có nhiều sông nhỏ, suối nước chảy. Diện tích mặt nước lớn chiếm đến 63% cả nước. Là nơi có điều kiện kinh doanh tổng hợp: trong trọt, chăn nuôi, nuôi cá... cần quy hoạch xây dựng các hồ chứa nước, kết hợp với ngành thủy



Cán bộ kỹ thuật ở trại nuôi cá Vu Di (Vĩnh-phù) tiêm kích thích tố cho cá trắm cỏ.

lợi lập nhiệm vụ thiết kế các công trình nuôi cá hồ chứa nước và phối hợp quy hoạch lồng hợp sử dụng các hồ chứa như: Thác-bà, sông Đà, Cẩm-sơn, Kê-gỗ, Khe-đá, Thác-huân, Lô-gâm, Núi Cốc, Cẩm dân, Nà-lạng v.v... và hàng loạt hồ khác xây dựng thành những quốc doanh nuôi cá hoàn chỉnh, đồng bộ và sản xuất theo chương trình khép kín, cung cấp thực phẩm tại chỗ cho nhân dân, cơ quan xí nghiệp, bộ đội giảm chi phí vận chuyển cá từ miền xuôi ven biển, lên miền núi.

Hướng dẫn nhân dân nuôi cá ao nước chảy, nuôi cá lồng ở khắp các gia đình ở miền núi, trung du nhằm tự túc ăn tươi và chế biến đơn giản.

Vùng ven biển Trung-bộ và vùng Đông Nam-bộ.

- Tận dụng diện tích đầm hồ tự nhiên và cá đập chứa nước nhân tạo để nuôi cá, phát triển nuôi cá rộng rãi trong nhân dân theo hướng sản xuất tự túc tại chỗ. Đặc biệt mở rộng diện tích nuôi tôm cá nước lợ. Trước mắt cần xây dựng một số vùng sản xuất tập trung có điều kiện thuận lợi để nuôi tôm nước lợ xuất khẩu phần quy mô sản xuất đồng bộ, hoàn chỉnh ở các vùng ven biển như: phá Tam-giang, đầm Cầu-hai, đầm Ô-loan, các vùng Nghia-bình, Phú-khánh, Thuận-giải, Đông-nai, vùng Vũng-lầu v.v... là vùng ven biển Nam-bộ.

2 - *Đẩy mạnh sản xuất cá giống đúng tiêu chuẩn, bảo đảm nuôi thả hết diện tích, dùng thành phần cơ cấu đàn cá ở các vùng, ở các loại mặt nước, đồng thời giải quyết tốt khâu quản lý lưu thông phân phối diễn hòa cá giống.*

Tích cực cho đẻ nhân tạo các loài cá nuôi, đồng thời tổ chức khai thác một cách hợp lý nguồn cá bột, chủ yếu là cá mè, trôi ở khu hệ sông Hồng, cá vồ, cá tra, cá he ở khu hệ sông Cửu-long đồng thời tổ chức chỉ đạo, quản lý, điều hòa phân phối cá giống kịp thời vụ nuôi thả.

Quy hoạch lại mạng lưới sản xuất cá giống chung cho cả nước và ruộng cho từng vùng, có sự phân công giữa Nhà nước và hợp tác xã. Các trạm trại giống của tỉnh sản xuất cá bột, cá hương và có nhiệm vụ đưa cá bột, hương đến tận hợp tác xã. Hợp tác xã quy hoạch sử dụng diện tích ao hồ ruộng dành làm giống để ương san lên cá giống tiêu chuẩn, và giữ cá giống nuôi lưu cho năm sau. Các đội chuyên trách nghề cá lên quy hoạch cân đối về thức ăn, diện tích lao động, thực hiện 3 khoán nuôi cá giống đúng tiêu chuẩn. Kiên quyết xóa bỏ tình trạng thừa cá hương, thiếu cá giống, thả nuôi giống nhỏ gây lãng phí trong sản xuất và không bảo đảm sản lượng cá thịt.

Về quy hoạch trạm trại sản xuất cá giống : Trước mắt và trong vài năm tới phải tích cực cải tạo và xây dựng hệ thống trạm trại sản xuất cá giống nhân tạo mè, trôi, trắm, vồ, tra. Các tỉnh cần lên quy hoạch toàn diện, cân đối và lâu dài về xây dựng mạng lưới sản xuất của địa phương, bảo đảm đủ số lượng và chất lượng giống nuôi thả hết diện tích và theo đúng tỷ lệ thành phần cơ cấu đàn cá nuôi.

Đối với các tỉnh mới giải phóng, trước mắt cần xây dựng những trung tâm sản xuất cá giống theo thiết kế đồng bộ, hoàn chỉnh. Từ nay đến năm 1980 hoàn thành hệ thống sản xuất giống toàn tỉnh.

3 - *Quy hoạch trồng cây có chất bột, cây phân xanh, phát triển chăn nuôi, để giải quyết thức ăn hỗn hợp cho nuôi cá. Nhà nước hợp tác xã có kế hoạch cân đối về phân ở cơ sở, thức ăn tinh cho ngành nuôi cá. Xây dựng các cơ sở chế biến thức ăn công nghiệp cho nuôi cá. Nghiên cứu các biện pháp sử dụng hợp lý nguồn nước biển, thức ăn tự nhiên, tận dụng các phế liệu phế phẩm để phát triển nuôi cá.*

Trong những năm tới, thức ăn cho cá còn phải dùng phân gia súc và cây cỏ, lá xanh và các chất bột phân lân đạm, hàng năm cần hàng chục vạn tấn.

Năm 1980	Ước tính yêu cầu
- Phân chuồng :	761 000 tấn
- Phân đạm-lân	9 670
- Thức ăn xanh	114 000
- Thức ăn hỗn hợp	1 140
- Thức ăn tinh	140 000

Trên cơ sở xác định nuôi cá nước ngọt là một ngành sản xuất chính trong nông nghiệp, Nhà nước cũng như hợp tác xã cần có kế hoạch kiên quyết danh phân lân-đạm cho nghề nuôi cá. Bình quân mỗi hợp tác xã hoặc một tổ chức tập thể sản xuất mỗi năm yêu cầu về lân đạm không đáng kể so với khối lượng chung (khoảng trên dưới 1 tấn phân vô cơ) tuy nhiên cần phải có dự trữ cho ngành nuôi cá để các tổ chức nuôi cá chủ động thực hiện kế hoạch sản xuất của ngành mình.

Đề từng bước công nghiệp hóa nghề nuôi cá và chủ động cung cấp cá hàng hóa theo kế hoạch, cần xây dựng các cơ sở chế biến thức ăn viên hỗn hợp cho cá bằng những nguyên liệu sẵn có trong nước, giá thành rẻ và năng suất cao, dần dần nâng cao kỹ thuật và trình độ nuôi cá lên một bước mới, nhằm sử dụng diện tích ít mà sản phẩm nhiều ở các vùng vánh đai thực phẩm của các thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp tập trung. Cần nghiên cứu sử dụng hợp lý nguồn nước thải, tận dụng các phế liệu công nông nghiệp để phát triển nuôi cá. Cần kết hợp

chặt chẽ giữa ngành cá, thủy nông, là quy hoạch xây dựng của đô thị mà xây dựng các hệ thống dẫn nước bần đề vừa có thể tận dụng nuôi cá vừa bảo đảm vệ sinh ở thành phố.

4. *Tổ chức khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi, tiến hành bảo quản, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ sản lượng. Hình thành một hệ thống kinh doanh đồng bộ, liên hoàn; xây dựng các vùng sản xuất tập trung có hiệu quả kinh tế cao.*

Sản lượng khai thác cá tự nhiên chiếm một tỷ lệ khá cao trong tổng sản lượng cá nội địa. Hiện nay, riêng ở đồng bằng sông Cửu-long tỷ lệ này lên đến 85%. Năm 1977, sản lượng khai thác tự nhiên chiếm gần 43%. trong đó đồng bằng sông Cửu-long tỷ lệ cá sông, cá đồng khoảng 70%. Đến năm 1980, cá thu hoạch tự nhiên còn khoảng 35%, trong đó vùng đồng bằng Cửu-long chiếm 50%. Thực tế trên đây đặt ra vấn đề khai thác và bảo vệ nguồn lợi cá tự nhiên là một nhiệm vụ quan trọng.

Để bảo vệ nguồn lợi cá nước ngọt trong những năm tới Nhà nước cần khẩn trương nghiên cứu ban hành: pháp lệnh quy định việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản nội địa (để giữ vững và nâng cao sức sản xuất các vùng nước); tích cực bảo vệ môi trường sống của các loài cá và thủy sản khác, cấm thả chất độc ra sông Hồng và đồng ruộng làm ô nhiễm mặt nước và làm ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản.

5. *Đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, công cụ sản xuất.*

— Trước hết cần quy hoạch cải tạo, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống trạm trại sản xuất cá giống. Ở miền bắc, nghiên cứu quy hoạch lại 123 trạm trại cũ, xây dựng thành những trung tâm sản xuất cá bột, cá hương của tỉnh, huyện. Tổ chức mạng lưới ương san cá giống ở hợp tác xã. Ở miền nam, mỗi tỉnh xây dựng một trung tâm sản xuất cá giống đồng bộ và hoàn chỉnh.

Cần kết hợp, phối hợp với thủy lợi, quy hoạch, xây dựng các công trình nuôi cá ở hồ chứa nước, sông máng trung đại thủy nông để thi công kịp thời với tiến độ của thủy lợi, nhằm tổng hợp lại nội dung nuôi cá có hiệu

quả kinh tế cao, giảm kinh phí, và tránh những khó khăn trở ngại cho sản xuất về sau này.

Xây dựng nhiều xí nghiệp nuôi cá tập trung, cá sản lượng cao ở các vùng vành đai thực phẩm, ở các thị trấn, khu công nghiệp, thành phố. Mở rộng các hợp tác xã trong diện nuôi cá tăng sản, phát triển diện tích và cải tạo ao hồ, sản xuất ra cá ao hồ, sản xuất ra cá hàng hóa cung cấp thực phẩm cho Nhà nước.

Khôi phục và phát triển có mức độ các cơ sở nuôi cá bè trên sông gần các đô thị lớn, có khả năng giải quyết thức ăn công nghiệp cho cá bè, chủ yếu là ở Châu-đốc, Tân-châu, An-giang, Sài-gòn, Biên-hóa (sông Cửu-long, sông Sài-gòn và sông Đồng-nai).

Ven biển Quảng - ninh - Trị - thiên - Huế, Phú-khánh, Thuận-bái, Vũng-tàu, Cà-mau... cần nghiên cứu phát triển mạnh mẽ nghề nuôi tôm cá nước lợ theo phương thức sản xuất tập trung, toàn diện, khép kín, để chủ động cung cấp hàng hóa cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Để có thể thực hiện được các biện pháp chủ yếu trên, một trong những việc cần tập trung làm tốt trong thời gian tới là: *nghiên cứu ban hành và thực hiện các chính sách chế độ; xây dựng các định mức lao động, định mức khoán, định mức kinh tế; các tiêu chuẩn quy trình kỹ thuật để thúc đẩy mạnh mẽ tiến bộ kỹ thuật phát triển nguồn lợi thủy sản nước ngọt - lợ ở cả nước.*

Để nghề nuôi thủy sản trở thành ngành sản xuất chính trong nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa những năm tới cần ban hành một số chính sách cụ thể sau: điều lệ sử dụng, quản lý các loại mặt nước để phát triển nuôi cá và chế độ phân cấp quản lý sản xuất thủy sản ngọt lợ; pháp lệnh bảo vệ nguồn lợi thủy sản nước ngọt và mặn lợ; điều lệ tổ chức hợp tác xã khai thác cá sông, cá đồng và quy chế đánh cá nước ngọt; chính sách đầu tư, cho vay vốn cùng với vật tư để xây dựng các công trình, cải tạo ao hồ, xây dựng cơ sở vật chất để phát triển nuôi, khai thác, chế biến thủy sản nước ngọt và mặn lợ; chính sách giá cả; chính sách thu mua phân phối cung cấp thủy sản ngọt, lợ đối với các thành phần kinh tế...